

Bản án số: 62 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 9 - 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám
2. Bà Võ Thị Vịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Liêu Thị Thanh Tr, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 153, ấp S, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*có đơn xin vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh Lâm Phước Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Liêu Thị Thanh Tr đề ngày 16 tháng 4 năm 2020 và biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 7 năm 2020 có nội dung sau:

Chị Liêu Thị Thanh Tr và anh Lâm Phước Đ hai người xây dựng hôn nhân vào năm 2016 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104/2016, ngày 09 tháng 15 năm 2016.

Thời gian chung sống chị Tr và anh Đ có một người con chung là cháu Lâm Phúc V, sinh ngày 14/4/2017, hiện con đang sống với chị Tr.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Chị Tr cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau do tính tình không hợp. Chị cho rằng nguyên nhân chính là do anh Đ thường xuyên uống rượu và bỏ nhà đi, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị thấy vợ chồng sống như vậy thì không thể có hạnh phúc với nhau được nên chị và anh Đ hai người sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Đ cũng có hàn gắn nhưng không được do anh Đ không thay đổi tính tình được nên chị Tr yêu cầu được ly hôn đối với anh Đ. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lâm Phúc V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Liêu Thị Thanh Tr thì anh Lâm Phước Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án biết về ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Trang cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Liêu Thị Thanh Tr được quyền ly hôn với anh Lâm Phước Đ

Về con chung, tiếp tục giao cháu Lâm Phúc Vinh, sinh ngày 14/4/2017 cho chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Đ được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Liêu Thị Thanh Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lâm Phước Đ và hiện nay anh Đ cư trú tại ấp B, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Lâm Phước Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt và nguyên đơn cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Đ và chị Tr tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Liêu Thị Thanh Tr và anh Lâm Phước Đ hai người chung sống với nhau vào năm 2016 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 09 tháng 5 năm 2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị Liêu Thị Thanh Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Tr và anh Đ, thời gian ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc chung lo làm ăn ổn định cuộc sống gia đình, nhưng hạnh phúc không bao lâu thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau và anh Đ không quan tâm đến đời sống vợ con, chị Tr thấy vợ chồng sống mà không có sự hài hòa, sự đùm bọc lẫn nhau thì không thể có hạnh phúc được, và những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình vợ chồng anh chị không có biện pháp khắc phục được, hiện tại chị Tr và anh Đ hai người sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Đ cũng biết được việc chị Tr yêu cầu ly hôn đối với Đ, nhưng anh Đ không có thiện chí hàn gắn nên anh Đ không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Tr và anh Đ hai người sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, về mặt tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên việc chị Tr yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đ là cần thiết. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Liêu Thị Thanh Tr đối với anh Lâm Phước Đ là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lâm Phúc V, sinh ngày 14/4/2017 đến tuổi trưởng thành, xét yêu cầu được nuôi con của chị Tr cũng phù hợp vì hiện nay con đang sống với chị Tr, hơn nữa cháu V cũng còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Tr. Giao cho chị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lâm Phúc V, sinh ngày 14/4/2017 đến đủ 18 tuổi là có căn cứ đúng pháp luật.

Anh Lâm Phước Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và anh Đ không thể hiện tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Liêu Thị Thanh Tr phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Liêu Thị Thanh Tr đối với anh Lâm Phước Đ. Chị Liêu Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Lâm Phước Đ.

2. Về con chung: Giao chị Liêu Thị Thanh Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Lâm Phúc V, sinh ngày 14/4/2017 đến đủ 18 tuổi.

Anh Lâm Phước Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không yêu cầu..

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Liêu thị Thanh Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005401 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã D, huyện T
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

-